

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 111/2020/HS-ST

Ngày: 15/9/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Tuyết

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Viết Cường

Ông Dương Văn Toàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký TAND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

- *Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 120/2020/TLST - HS ngày 12/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2020/QĐXXST – HS ngày 04/9/2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lưu Văn H - sinh năm 1997; Nơi cư trú: thôn Th, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Lưu Văn N- sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị B - sinh năm 1967; Vợ: (sống chung như vợ chồng với Hoàng Thị M, sinh năm 2000) và có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2018; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con út; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 23/7/2019, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/9/2019.

Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại :

1. Nguyễn Đình Đ – sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hoàng Thị M – sinh năm 2000 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Tr, huyện V, tỉnh Bắc Giang

2. Nguyễn Thị B – sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Th, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang

- Người làm chứng:

1. Chu Bá T – sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn H, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang

2. Nguyễn Văn Kh – sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang

3. Nguyễn Văn Đ1 – sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Văn H, sinh năm 1997 ở thôn Th, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang, đã có một tiền án về tội trộm cắp tài sản. Khoảng 20 giờ ngày 25/5/2020, Hà gọi điện rủ Chu Bá T sinh năm 1993 ở thôn H, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang đi chơi. Sau đó, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98M6- 9927 đến nhà đón T. Trên đường đi, H nói với T “Đề ý ở đường có cái gì lấy được thì lấy”, rồi cùng T đi trên các tuyến đường tìm người để tài sản sơ hở thực hiện hành vi trộm cắp. Khi đến đoạn đường gần trường Mầm non thuộc tổ dân phố V, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang, H dừng xe bảo T đứng đợi để H đi vệ sinh. Sau khi vệ sinh xong, H đi ra phía nhà văn hóa thôn V thì phát hiện thấy một chiếc xe ô tô tải biển kiểm soát 19C- 019.20 (xe của anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1984 ở Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện V) nên nảy sinh ý định trộm cắp bình ắc quy của chiếc xe này. Quan sát thấy xung quanh vắng người, H đi đến vị trí chiếc xe ô tô cây hộp đựng đồ ở sườn phải của xe, lấy một túi màu hồng, có khóa, bên trong có 04 chiếc cà lê các loại 19, 17, 13 và 14- 17; 02 chiếc mỏ lết; 01 chiếc kìm, 02 chiếc tuốc lơ vít mục đích dùng làm công cụ cạy phá trộm cắp bình ắc quy của xe ô tô. Sau đó, H lấy chiếc kìm cầm ở tay phải kẹp, cạy phá nắp hộp bảo vệ để trộm cắp 02 bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai, loại 90H, nhưng do bình ắc quy được bảo vệ chắc chắn và do sợ người dân qua lại phát hiện nên Hà dừng lại không cạy nữa mà cho kìm vào túi cầm về nhà sử dụng. Khi H bỏ

đi được khoảng 50 mét thì phát hiện thấy có anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1981 ở Tổ dân phố V, thị trấn B, huyện V đi đến nên đã vứt túi đồ vào bụi cây ven đường. Lúc này, anh Đ1 nghi ngờ H nên đã yêu cầu vào trường Mầm non, đồng thời gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1986 ở cùng thôn đến và báo Công an thị trấn B, huyện V giải quyết. Quá trình làm việc Công an thị trấn B tạm giữ của H 01 (một) xe máy DreamII BKS 98M6-9927; 01 (một) điện thoại di động samsung galaxy J4⁺ màu vàng.

Ngày 26/5/2020, Lưu Văn H đến đầu thú tại Công an huyện V về hành vi trộm cắp tài sản. Cùng ngày, anh Nguyễn Văn Kh giao nộp cho Công an thị trấn B, huyện V một túi màu hồng bên trong có: 01 (một) chiếc kim, 02 (hai) tua vít, 02 (hai) mỏ lết, 04 (bốn) cà lê (anh Kh khai tìm thấy chiếc túi trong bụi cây ven đường).

Ngày 01/6/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên, kết luận: 04 chiếc cà lê các loại 19, 17, 13 và 14- 17; 02 chiếc mỏ lết; 01 chiếc kim, 02 chiếc tua vít, có tổng trị giá **110.000** đồng (Một trăm mười nghìn đồng); 02 bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai, loại 90H, có tổng trị giá 1.000.000 đồng (500.000 đồng/chiếc).

Tại bản cáo trạng số 116/CT-VKS ngày 12/8/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố Lưu Văn H ra trước Tòa án nhân dân huyện Việt Yên để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lưu Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là không oan, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình là sai, bị cáo rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B khai: Bà là mẹ đẻ của Lưu Văn H, ngày 25/5/2020 Bà có mượn bà chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream II biển kiểm soát 98M6- 9927, chiếc xe mô tô này là của bà mua của bà Trần Thị L, sinh năm 1967 ở Tổ dân phố C, phường T, thành phố B, bà mua chiếc xe này của bà L vào khoảng tháng 3/2019. Bà B không biết việc H sử dụng chiếc xe của mình để thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bà B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bà chiếc xe mô tô trên để bà sử dụng; chị Hoàng Thị M khai: Chị là vợ của Lưu Văn H, do thấy H không có điện thoại để sử dụng, chị đã cho bị cáo H mượn điện thoại để sử dụng, chị M xác định chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J4⁺ màu vàng là của chị, chị M không biết việc H sử dụng điện thoại khi đi trộm cắp tài sản, chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại điện thoại cho chị để sử dụng.

Bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ. Bị cáo không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lưu Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn H từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 27/5/2020.

Do bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, là hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bà Nguyễn Thị B chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M6- 9927; chị Hoàng Thị M 01chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J4⁺ màu vàng.

Ngoài ra, cần áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Lưu Văn H, sinh năm 1997 ở thôn Th,

xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang đã có một tiền án về tội trộm cắp tài sản. Khoảng 20 giờ ngày 25/5/2020 Lưu Văn H đã có hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc kim, 02 (hai) tuốc lơ vít, 02 (hai) mỏ lết, 04 (bốn) cà lê, tổng trị giá: 110.000 đồng (*Một trăm mười nghìn đồng*) tại thôn V, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

[3] Như vậy hành vi của bị cáo Lưu Văn H đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Nguyễn Đình Đ, lén lút trộm cắp 01 (một) chiếc kim, 02 (hai) tuốc lơ vít, 02 (hai) mỏ lết, 04 (bốn) cà lê, tổng trị giá: 110.000 đồng. Do vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Xét về mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị, Hội đồng xét xử thấy là tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử cần phân tích đánh giá như sau:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (do tiền án của bị cáo đã là tình tiết định khung).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú. Do vậy cần áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt bị cáo.

[6] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, điều luật đã viện dẫn. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án đưa ra xét xử về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo mới chấp hành xong hình phạt tù được một thời gian nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội. Điều đó có thể thấy cần phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội.

Do bị cáo thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[8] Đối với Chu Bá T là người ban đầu có mục đích cùng H đi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, khi H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản T không biết (trước đó T chỉ biết H đi vệ sinh), nên không có sự tiếp nhận ý chí, không có hành vi giúp sức cho Hà đối với hành vi phạm tội này. Do vậy, Tuyến không đồng phạm với H về tội “Trộm cắp tài sản”.

[9] Đối với hành vi trộm cắp 02 chiếc bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai, loại 90H của chiếc xe ô tô biển kiểm soát 19C- 019.20 của Lưu Văn H. Kết quả điều tra xác định, mục đích ban đầu của H là trộm cắp 02 chiếc bình ắc quy nêu trên nhưng do bình ắc quy được bảo vệ chắc chắn và do sợ hành vi của mình bị quần chúng nhân dân phát hiện nên H đã tự ý chấm dứt hành vi này mà không bị ai tác động, ngăn cản nên H không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M6- 9927 là của bà Nguyễn Thị B (là mẹ của bị cáo H). Khi H sử dụng xe đi trộm cắp tài sản bà B không biết việc Hà sử dụng chiếc xe của mình để thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”, do vậy cần trả lại chiếc xe mô tô trên cho bà B. Đối với chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J4⁺ màu vàng là của chị Hoàng Thị M cho Lưu Văn H mượn sử dụng cá nhân, chị M không biết việc Hà sử dụng điện thoại khi đi trộm cắp tài sản, cần trả lại cho chị M.

[11] Bị hại, người làm chứng vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt bị hại, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử cho nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292; Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[12] Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay bị cáo đang bị tạm giam nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án theo quy định tại Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

[13] Về án phí và quyền kháng cáo: do bị cáo thuộc hộ nghèo, căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ – UBTWQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Căn cứ các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lưu Văn H 07 (bảy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 27/5/2020.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Trả lại bà Nguyễn Thị B chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98M6- 9927;

+ Trả lại chị Hoàng Thị M chiếc điện thoại di động Samsun Galaxy J4⁺ màu vàng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lưu Văn H .

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 BLTTHS 2015

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1 b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Việt Yên(2b);
- T.H.A.(4 b);
- Lưu HS.VP (1 b);
- Công an huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thị Tuyết

